

Số: 289 /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày 17 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

**Quyết toán ngân sách địa phương năm 2023
(Báo cáo tại kỳ họp thứ chín, HĐND huyện khóa XXI)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định về thời gian gửi báo cáo, mẫu biểu đảm bảo lập kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương; dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương; thời gian giao dự toán và thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương các cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện Tuần Giáo khoá XXI, kỳ họp thứ 6 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo và trình HĐND huyện báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023, như sau:

A. QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 62.488.054.126/54.000.000.000 đồng, đạt 115,7% dự toán đầu năm UBND tỉnh giao, HĐND huyện giao gồm:

1. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý: 1.148.984.902/1.000.000.000 đồng, đạt 114,9% dự toán đầu năm.

2. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: 375.883.201 đồng.

3. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 20.104.872.527/21.300.000.000 đồng, đạt 94,4% dự toán đầu năm.

4. Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản: 3.023.490.258/2.700.000.000 đồng, đạt 112% dự toán đầu năm.

5. Lệ phí trước bạ: 7.649.980.426/5.200.000.000 đồng, đạt 147,1% dự toán đầu năm.

6. Thuế thu nhập cá nhân: 2.279.448.840/2.220.000.000 đồng, đạt 102,7% dự toán đầu năm.

7. Phí, lệ phí: 1.563.284.101/1.300.000.000 đồng, đạt 120,3% dự toán đầu năm.

8. Thu tiền sử dụng đất: 17.149.751.596/15.000.000.000 đồng, đạt 114,3% dự toán đầu năm.

9. Thu tiền thuê đất, mặt nước: 3.980.837.260/3.000.000.000 đồng, đạt 132,7% dự toán đầu năm.

10. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 288.556.231/80.000.000 đồng, đạt 360,7% dự toán đầu năm.

11. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: 160.180.971/100.000.000 đồng, đạt 160,2% dự toán đầu năm.

12. Thu khác ngân sách: 4.762.783.813/2.100.000.000 đồng, đạt 226,8% dự toán đầu năm.

II. Tổng thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương: 1.115.497.299.866/948.814.000.000 đồng đạt 117,6% dự toán đầu năm UBND tỉnh giao, HĐND huyện giao.

1. Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp (hưởng 100%): 57.523.754.836/50.600.000.000 đồng đạt 113,7 dự toán đầu năm UBND tỉnh giao, HĐND huyện giao.

2. Thu kết dư năm trước: 115.400.000 đồng.

3. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 91.891.760.238 đồng.

- Ngân sách huyện: 80.734.059.688 đồng.

- Ngân sách xã: 11.157.700.550 đồng.

4. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 959.262.677.150/898.214.000.000 đồng, đạt 106,8% dự toán đầu năm.

- Thu bổ sung cân đối: 681.988.065.750/684.106.000.000 đồng, đạt 99,7% dự toán đầu năm.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 277.274.611.400/214.108.000.000 đồng, đạt 129,5% dự toán đầu năm.

5. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 6.703.707.642 đồng.

B. QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi ngân sách địa phương: 1.105.341.372.148/948.814.000.000 đồng đạt 116,5% dự toán đầu năm UBND tỉnh giao, HĐND huyện giao. Chi tiết như sau:

I. Chi cân đối ngân sách địa phương

Chi cân đối ngân sách địa phương: 789.192.730.633/734.706.000.000 đồng, đạt 107,4% dự toán đầu năm UBND tỉnh giao, HĐND huyện giao.

1. Chi đầu tư phát triển: 47.520.465.894/36.868.000.000 đồng, đạt 128,9% dự toán đầu năm.

- Chi đầu tư XDCB vốn trong nước: 30.741.533.000/23.368.000.000 đồng, đạt 131,6% dự toán đầu năm.

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 13.024.978.485/13.500.000.000 đồng, đạt 96,5% dự toán đầu năm.

- Chi đầu tư từ các nguồn vốn khác: 3.753.954.409 đồng.

+ Tăng thu thực hiện: 2.589.357.000 đồng.

+ Ghi thu, ghi chi tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng mà người được Nhà nước cho thuê đất: 1.164.597.409 đồng.

2. Chi thường xuyên: 741.672.264.739/683.144.000.000 đồng, đạt 108,5% dự toán đầu năm UBND tỉnh giao, HĐND huyện giao. Tăng so với dự toán đầu năm giao là do trong năm ngân sách tỉnh bổ sung cho huyện để thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh như: chính sách tinh giản biên chế; cải cách tiền lương; kinh phí mua sắm thiết bị dạy và học; các chính sách an sinh xã hội. Đồng thời tăng chi từ nguồn chi khác, dự phòng ngân sách huyện để khắc phục

hậu quả thiên tai; chi quốc phòng, an ninh; đảm bảo xã hội... và tăng chi chuyển nguồn từ năm trước sang.

Cụ thể từng nội dung chi như sau:

- Chi các hoạt động kinh tế: 66.478.535.976 đồng.
- Chi bảo vệ môi trường: 4.420.850.000 đồng.
- Chi khoa học và công nghệ: 315.080.670 đồng.
- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 460.833.695.527 đồng.
- Chi y tế: 184.571.400 đồng.
- Chi văn hóa thông tin: 3.544.328.340 đồng.
- Chi phát thanh, truyền hình: 3.746.228.528 đồng.
- Chi thể dục, thể thao: 616.506.600 đồng.
- Chi đảm bảo xã hội: 56.731.049.476 đồng.
- Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể: 125.466.598.081 đồng.
- Chi quốc phòng: 11.916.776.793 đồng.
- Chi an ninh: 7.248.043.348 đồng.
- Chi khác ngân sách: 170.000.000 đồng.

II. Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ

Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 162.277.662.963/214.108.000.000 đồng, đạt 75,8% dự toán đầu năm.

1. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia

Chi các chương trình mục tiêu quốc gia: 158.991.000.563/210.875.000.000 đồng, đạt 75,4% dự toán đầu năm.

1.1. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020: Không.

1.2. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: 158.991.000.563/210.875.000.000 đồng, đạt 75,4% dự toán đầu năm.

- Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 123.488.608.887/161.997.000.000 đồng, đạt 76,2% dự toán đầu năm.

+ Vốn đầu tư: 74.453.314.000/83.500.000.000 đồng, đạt 89,2% dự toán đầu năm.

+ Vốn sự nghiệp: 49.035.294.887/78.497.000.000 đồng, đạt 62,5% dự toán đầu năm.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 27.062.100.776/48.468.000.000 đồng, đạt 55,8% dự toán đầu năm.

+ Vốn đầu tư: Không.

+ Vốn sự nghiệp: 27.062.100.776/48.468.000.000 đồng, đạt 55,8% dự toán đầu năm.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 8.440.290.900/410.000.000 đồng, đạt 2.058,6% dự toán đầu năm.

+ Vốn đầu tư: 7.967.098.000 đồng, chi nguồn năm trước chuyển sang.

+ Vốn sự nghiệp: 473.192.900/410.000.000 đồng, đạt 115,4% dự toán đầu năm.

2. Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác

Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: 3.286.662.400/3.233.000.000 đồng, đạt 101,7% dự toán đầu năm.

2.1. Vốn đầu tư: Không.

2.2. Vốn sự nghiệp: 3.286.662.400/3.233.000.000 đồng, đạt 101,7% dự toán đầu năm.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông: 95.000.000/28.000.000 đồng, đạt 339,3% dự toán đầu năm.

- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 3.191.662.400/3.205.000.000 đồng, đạt 99,6% dự toán đầu năm.

III. Chi nộp trả ngân sách cấp trên

Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 9.504.193.948 đồng.

1. Ngân sách huyện chi nộp trả ngân sách tỉnh: 2.800.486.306 đồng.

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước: 611.999.000 đồng.

- Sự nghiệp khoa học và công nghệ: 115.400.000 đồng.

- Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp: 5.924.220 đồng.

- Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa: 22.022.120 đồng.
- Kinh phí giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp: 1.681.259.176 đồng.
- Chính sách phát triển cây Mắc ca theo hợp đồng liên kết sản xuất: 328.316.290 đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (vốn đầu tư): 12.663.000 đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (vốn đầu tư): 15.940.000 đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (vốn đầu tư): 296.000 đồng.
- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (vốn sự nghiệp): 6.666.500 đồng.

2. Ngân sách xã chi nộp trả ngân sách huyện: 6.703.707.642 đồng.

- Thu tiền sử dụng đất: 217.701.642 đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (vốn đầu tư): 296.000 đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp): 6.478.000.000 đồng, trong đó vốn NSTW: 6.288.000.000 đồng, đối ứng NSDP: 190.000.000 đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (vốn đầu tư): 7.710.000 đồng.

IV. Chi chuyển nguồn sang năm sau

Chi chuyển nguồn sang năm sau: 144.366.784.604 đồng, trong đó các chương trình mục tiêu quốc gia được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội là 115.556.107.829 đồng (vốn ngân sách địa phương thực hiện đối ứng là 3.535.372.640 đồng, vốn ngân sách trung ương là 112.020.735.189 đồng).

1. Ngân sách cấp huyện: 133.115.684.926 đồng.

- Vốn đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn từ năm nay sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công: 28.109.662.000 đồng.

- + Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 1.532.082.000 đồng.
- + Nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.916.218.000 đồng.
- + Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: 1.974.724.000 đồng.
- + Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025: 22.546.686.000 đồng.
- + Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020: 139.952.000 đồng.
- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương: 3.055.078.345 đồng.
- Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9 năm thực hiện dự toán: 13.971.066.792 đồng.
- + Chuyển nguồn tại đơn vị: 3.431.844.000 đồng.
- + Chuyển nguồn trong ngân sách: 10.539.222.792 đồng.
- +/ Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa: 1.750.000.000 đồng.
- +/ Hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 41.222.792 đồng.
- +/ Chính sách theo ND 81/2021/ND-CP: 288.000.000 đồng.
- +/ Khắc phục hậu quả thiên tai năm 2023: 5.000.000.000 đồng.
- +/ Hỗ trợ đội văn nghệ quần chúng: 320.000.000 đồng.
- +/ Các chính sách của địa phương: 3.140.000.000 đồng.
- Các khoản tăng thu năm nay được phép chuyển sang năm sau theo quy định: 4.311.975.410 đồng.
- + Tăng thu tiền sử dụng đất: 1.051.379.589 đồng.
- + Tăng thu thực hiện so với dự toán UBND tỉnh giao: 3.260.595.821 đồng.
- Kinh phí khác theo quy định của pháp luật: 83.667.902.379 đồng.
- + Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (vốn sự nghiệp): 30.115.878.600 đồng.
- + Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (vốn sự nghiệp): 1.578.016 đồng; trong đó đối ứng ngân sách địa phương: 1.517.640 đồng.
- + Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (vốn sự nghiệp):

53.550.445.763 đồng, trong đó đối ứng ngân sách địa phương: 1.019.000.000 đồng.

2. Ngân sách xã: 11.251.099.678 đồng.

- Vốn đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn từ năm nay sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công: 178.200.000 đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: 93.000.000 đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025: 85.200.000 đồng.

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương: 160.111.920 đồng.

- Kinh phí được giao tự chủ của các cơ quan nhà nước: 396.847.455 đồng.

- Các khoản tăng thu được phép chuyển sang năm sau theo quy định: 3.044.102.902 đồng.

- Kinh phí khác theo quy định của pháp luật: 7.471.837.401 đồng.

V. Kết dư ngân sách

Kết dư ngân sách địa phương: 10.155.927.718 đồng, trong đó: Kết dư vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 1.800.288.389 đồng.

1. Ngân sách cấp huyện: 8.460.125.894 đồng, trong đó: Kết dư vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 1.294.115.321 đồng.

2. Ngân sách xã: 1.695.801.824 đồng, trong đó: Kết dư vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 506.173.068 đồng.

(Chi tiết như các biểu kèm theo)

Trên đây là báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023, UBND huyện trình HĐND huyện xem xét và phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Huyện ủy (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Các đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VP, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mùa Va Hồ